

HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC SINH 7-TUẦN 12
THỜI GIAN : 22-27.11.2021

Tiết 23

Bài 21. ĐẶC ĐIỂM CHUNG VÀ VAI TRÒ CỦA NGÀNH THÂN MỀM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức.

- Trình bày được sự đa dạng của ngành thân mềm. Trình bày được đặc điểm chung và ý nghĩa thực tiễn của ngành thân mềm.

2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
- Năng lực phát hiện vấn đề - Năng lực giao tiếp - Năng lực hợp tác - Năng lực tự học - Năng lực sử dụng CNTT và TT	- Năng lực kiến thức sinh học - Năng lực thực nghiệm - Năng lực nghiên cứu khoa học

3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II NGHIÊN CỨU BÀI HỌC

GV HƯỚNG DẪN HS	HS GHI BÀI
I. Tìm hiểu đặc điểm chung HS đọc thông tin quan sát H 21 và H19 SGK thảo luận: + Nêu cấu tạo chung của thân mềm ? + Lựa chọn các cụm từ để hoàn thành bảng 1? Nhận xét sự đa dạng của thân mềm + Nêu đặc điểm chung của thân mềm HS nêu được : + Đa dạng: - Kích thước. - Cấu tạo - Cơ thể. - Môi trường sống. - Tập tính. + Đặc điểm chung: cấu tạo cơ thể. II Vai trò của thân mềm	I. Tìm hiểu đặc điểm chung Đặc điểm chung của thân mềm: + Thân mềm không phân đốt có vỏ đá vôi. + Có khoang áo phát triển. + Hệ tiêu hóa phân hóa.

HS làm bài tập bảng 2 tr.72 SGK. HS hoàn thành bảng. + Ngành thân mềm có vai trò gì? + Nêu ý nghĩa của vỏ thân mềm?	II. Vai trò của thân mềm. * Lợi ích : - Làm thực phẩm cho người - Nguyên liệu xuất khẩu. - Làm thức ăn cho động vật. - Làm sạch môi trường nước. - Làm đồ trang sức, trang trí. * Tác hại: Là vật trung gian truyền bệnh, ăn hại cây trồng.
---	---

BẢNG 1

Các đặc điểm Đại diện	Nơi sống	Lối sống	Kiểu vỏ	Đặc điểm cơ thể			Khoa
				Thân mềm	Khô g phân đốt	Phân đốt	ang áo phát triển
1- Trai sông	Ở nước ngọt	Vùi lấp	2 mảnh vỏ	×	×		×
2- Sò	Ở nước lợ	Vùi lấp	2 mảnh vỏ	×	×		×

3- Ốc sên	Ở cạn	Bò chậm chạp	1 vỏ xoắn ốc	×	×		×
4- Ốc vặn	Ở nước ngọt	Bò chậm chạp	1 vỏ xoắn ốc	×	×		×
5- Mực	Ở biển	Boi nhanh	Vỏ tiêu giảm	×	×		×

Củng cố bài học

Câu 1: Thân mềm có thể gây hại như thế nào đến đời sống con người?

- A. Làm hại cây trồng.
- B. Là vật trung gian truyền bệnh giun, sán.
- C. Đục phá các phần gỗ và phần đá của thuyền bè, cầu cảng, gây hại lớn cho nghề hàng hải.
- D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 2: Hóa thạch của một số vỏ ốc, vỏ sò có ý nghĩa thực tiễn như thế nào?

- A. Làm đồ trang sức.
- B. Có giá trị về mặt địa chất.
- C. Làm sạch môi trường nước.
- D. Làm thực phẩm cho con người.

Câu 3: Những loài trai nào sau đây đang được nuôi để lấy ngọc?

- A. Trai cánh nước ngọt và trai sông.
- B. Trai cánh nước ngọt và trai ngọc ở biển.
- C. Trai tượng.
- D. Trai ngọc và trai sông.

Câu 4: Phát biểu nào sau đây về ngành Thân mềm là sai?

- A. Thân mềm.
- B. Hệ tiêu hóa phân hóa.
- C. Không có xương sống.
- D. Không có khoang áo.

Câu 5: Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thiện nghĩa câu sau:

Ốc vặn sống ở ...(1)..., có một vỏ xoắn ốc, trứng phát triển thành con non trong ...(2)... ốc mẹ, có giá trị thực phẩm.

- A. (1): nước mặn; (2): tua miệng
- B. (1): nước lợ; (2): khoang áo
- C. (1): nước ngọt; (2): khoang áo

D. (1): nước lợ; (2): tua miệng

Câu 6: Phát biểu nào sau đây khi nói về ý nghĩa thực tiễn của ngành Thân mềm là sai?

- A. Là vật chủ trung gian truyền bệnh ngừ.
- B. Làm sạch môi trường nước.
- C. Có giá trị về mặt địa chất.
- D. Làm thức ăn cho các động vật khác.

Câu 7: Trai sông và ốc vặn giống nhau ở đặc điểm nào dưới đây?

- A. Nơi sinh sống.
- B. Khả năng di chuyển.
- C. Kiểu vỏ.
- D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 8: Trong các đặc điểm sau, đặc điểm nào không có ở các đại diện của ngành Thân mềm?

- A. Có vỏ đá vôi.
- B. Cơ thể phân đốt.
- C. Có khoang áo.
- D. Hệ tiêu hoá phân hoá.

Câu 9: Vỏ của một số thân mềm có ý nghĩa thực tiễn như thế nào?

- A. Có giá trị về xuất khẩu.
- B. Làm sạch môi trường nước.
- C. Làm thực phẩm.
- D. Dùng làm đồ trang trí.

Câu 10: Mai của mực thực chất là

- A. khoang áo phát triển thành.
- B. tám miệng phát triển thành.
- C. vỏ đá vôi tiêu giảm.
- D. tám mang tiêu giảm.

Đáp án

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	D	B	B	D	C
Câu	6	7	8	9	10
Đáp án	A	A	B	D	C

CHƯƠNG V- NGÀNH CHÂN KHỚP

LỚP GIÁP XÁC

TIẾT 24

BÀI 22: TÔM SÔNG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Học sinh hiểu được vì sao tôm được xếp vào ngành chân khớp, lớp giáp xác.
- Giải thích được các đặc điểm dinh dưỡng, sinh sản của tôm.

2. Năng lực

Phát triển các năng lực chung và năng lực chuyên biệt

Năng lực chung	Năng lực chuyên biệt
- Năng lực phát hiện vấn đề - Năng lực giao tiếp - Năng lực hợp tác - Năng lực tự học - Năng lực sử dụng CNTT và TT	- Năng lực kiến thức sinh học - Năng lực thực nghiệm - Năng lực nghiên cứu khoa học

3. Về phẩm chất

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II NGHIÊN CỨU BÀI HỌC

GV HƯỚNG DẪN HS	HS GHI BÀI
I. Cấu tạo ngoài và di chuyển 1. Vỏ cơ thể: HS quan sát mẫu tôm, trả lời các câu hỏi: - Cơ thể tôm gồm mấy phần? - Nhận xét màu sắc vỏ tôm? - Yêu cầu HS bóc một vài khoanh vỏ, nhận xét độ cứng? HS quan sát tôm sống ở các địa điểm khác nhau, giải thích ý nghĩa hiện tượng tôm có màu sắc khác nhau (màu sắc môi trường → tự vệ). - Khi nào vỏ tôm có màu hồng? II. Dinh dưỡng: Tôm kiếm ăn vào thời gian nào trong ngày? Thức ăn của tôm là gì?	I. Cấu tạo ngoài và di chuyển 1. Vỏ cơ thể: Cơ thể gồm 2 phần: đầu - ngực và bụng. - Vỏ: + Cấu tạo bằng Kitin ngấm canxi => cứng có tác dụng che chở và là chỗ bám cho cơ. + Có chứa các sắc tố giúp tôm có màu sắc của môi trường. 2. Các phần phụ, di chuyển (hs tự đọc) II. Dinh dưỡng: Tiêu hoá: + Tôm ăn tạp, hoạt động về đêm.

- Vì sao người ta dùng thính thơm để làm mồi bắt vó tôm? III. Sinh sản: HS quan sát tôm, phân biệt tôm đực và tôm cái. - Thảo luận và trả lời: - Tôm mẹ ôm trứng có ý nghĩa gì? - Vì sao ấu trùng tôm phải lột xác nhiều lần để lớn lên?	+ Thức ăn được tiêu hoá ở dạ dày, hấp thụ ở ruột. - Hô hấp: thở bằng mang. - Bài tiết: qua tuyến bài tiết III. Sinh sản: Tôm phân tính: + Con đực: càng to + Con cái: ôm trứng. - Lớn lên qua lột xác nhiều lần.
---	---

Củng cố bài học

Câu 2: Tập tính ôm trứng của tôm mẹ có ý nghĩa như thế nào?

- A. Giúp trứng tận dụng ôxi từ cơ thể mẹ.
- B. Bảo vệ trứng khỏi kẻ thù.
- C. Giúp phát tán trứng đi nhiều nơi.
- D. Giúp trứng nhanh nở.

Câu 3: Các sắc tố trên vỏ tôm sông có ý nghĩa như thế nào?

- A. Tạo ra màu sắc rực rỡ giúp tôm đe dọa kẻ thù.
- B. Thu hút con mồi lại gần tôm.
- C. Là tín hiệu nhận biết đực cái của tôm.
- D. Giúp tôm ngụy trang để lẩn tránh kẻ thù.

Câu 4: Tại sao trong quá trình lớn lên, ấu trùng tôm phải lột xác nhiều lần?

- A. Vì lớp vỏ mất dần canxi, không còn khả năng bảo vệ.
- B. Vì chất kitin được tôm tiết ra phía ngoài liên tục.
- C. Vì lớp vỏ cứng rắn cản trở sự lớn lên của tôm.
- D. Vì sắc tố vỏ ở tôm bị phai, nếu không lột xác thì tôm sẽ mất khả năng ngụy trang.

Câu 5: Phát biểu nào sau đây về tôm sông là sai?

- A. Là động vật lưỡng tính.
- B. Phần đầu và phần ngực gắn liền nhau.
- C. Phát triển qua giai đoạn ấu trùng.
- D. Vỏ được cấu tạo bằng kitin, có ngấm thêm canxi.

Câu 6: Tuyến bài tiết của tôm sông nằm ở

- A. đỉnh của đôi râu thứ nhất.

- B. đỉnh của tấm lái.
- C. gốc của đôi râu thứ hai.
- D. gốc của đôi càng.

Câu 7: Vỏ tôm được cấu tạo bằng

- A. kitin.B. xenlulôzơ.C. keratin.D. collagen.

Đáp án

Câu		2	3	4	5
Đáp án		B	D	C	A
Câu		6	7		
Đáp án		C	A		

Dặn dò : chuẩn bị bài 24, 25